

Bản án số: 12/2019/HSST

Ngày 13/6/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM ĐƯỜNG, TỈNH LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đoàn Trung Phước**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phan Văn Sân**; Ông **Lò Tiến Nui**.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Phạm Khắc Huân** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Đường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa:

Ông: **Lê Văn K** - Kiểm sát viên

Ngày 13/6/2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Lai Châu, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, thụ lý số 14/2019/TLST-HS ngày 29/5/2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2019/QĐXXST-HS ngày 03/6/2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **SÙN VĂN T** - Sinh năm 1982;

Nơi ĐKKHTT: Bản N, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Giáy; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Con ông Sùn Văn S (Đã chết) và bà Phan Thị S, sinh năm 1949; Gia đình bị cáo có 06 anh, chị, em ruột, bị cáo là con thứ năm trong gia đình; Bị cáo có vợ là Lò Thị T, sinh năm 1986 và 04 con, lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2016; Tiền án; Tiền sự: Không;

Bị cáo Sùn Văn T bị bắt, tạm giữ, từ ngày 06/4/2019 đến ngày 12/4/2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú giao cho UBND xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu quản lý theo dõi đến nay (có mặt).

Người bào chữa: Bà Nguyễn Thị N – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lai Châu (có mặt)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Lò Thị T, sinh năm 1986.

Trú tại: Bản N, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu (có mặt)

2. Anh Sùn Văn S, sinh năm 1980.

Trú tại: Bản N, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu (có mặt)

Người làm chứng: Anh Nguyễn Duy H, sinh năm 1990.

Trú tại: Bản K, xã B, huyện T, tỉnh Lai Châu (Vắng mặt không rõ lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 14 giờ ngày 06 tháng 4 năm 2019, Sừn Văn T đang ở nhà mình tại bản N, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu thì có Đoàn Văn T sinh năm 1957 ở bản P cùng xã P đến nhờ T đi mua hộ Heroine và hứa mua được thì cả hai cùng sử dụng, T nhất trí nên T lấy 500.000 đồng (01 tờ tiền có mệnh giá 500.000 đồng) đưa cho T, cầm tiền T đưa T cất vào túi rồi gọi điện thoại cho một người đàn ông tên D (họ và địa chỉ T không biết) hỏi mua Heroine, D đồng ý bán và hẹn gặp nhau ở công trường học thuộc địa phận bản C, xã S, huyện T. Sau đó, T điều khiển xe mô tô Honda nhãn hiệu Wave α (alpha) BKS: 25F3- 1236 của gia đình đi đến điểm hẹn với D. Đến nơi T gọi điện thoại thông báo cho D biết là đã đến nơi. Tê đứng đợi khoảng 10 phút sau thì D đi bộ đến, qua nói chuyện T nhờ D đi mua hộ 500.000 đồng Heroine và đưa tiền cho D, D đồng ý cầm tiền T đưa đi khoảng 20 phút sau quay lại đưa cho T 01 gói Heroine được gói ngoài bằng mảnh nilon màu xanh. Mua được Heroine T cất giấu vào trong túi quần bên phải đang mặc rồi điều khiển xe mô tô đi về nhà mình. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày khi T điều khiển xe mô tô đi đến Km 396, Quốc lộ 32, thuộc bản N, xã B, huyện T thì bị CQCSĐT - Công an huyện T phát hiện biểu hiện nghi vấn đã yêu cầu dừng xe kiểm tra. Quá trình giải thích T tự giác lấy ở túi quần bên phải 01 gói Heroine vừa mua được ra giao nộp.

Tại bản kết luận giám định số 07/KLGD ngày 08 tháng 4 năm 2019 của ông Phan Văn H - Người giám định tư pháp theo vụ việc lĩnh vực kỹ thuật hình sự, theo Quyết định công bố danh sách người giám định tư pháp theo vụ việc lĩnh vực kỹ thuật hình sự trên địa bàn tỉnh Lai Châu kết luận: 01 gói chất bột khô màu trắng được gói ngoài bằng ni lông màu xanh thu giữ của Sừn Văn T ngày 06/4/2019, sau khi đã loại bỏ hết toàn bộ phần bao gói, có khối lượng là 0,16 gam (*Không thấy mười sáu gam*)

Tại bản kết luận giám định số 175/GĐ - KTHS ngày 10 tháng 5 năm 2019 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Lai Châu kết luận:

“Mẫu vật thu giữ của Sừn Văn T gửi giám định là ma túy, loại: Heroine

Ngoài số Heroine nói trên, Cơ quan điều tra còn tạm giữ của Sừn Văn T: 01 xe mô tô Honda nhãn hiệu Wave α BKS: 25F3- 1236; 01 điện thoại Sony màu trắng kèm theo 01 sim Viettel đã qua sử dụng; 01 điện thoại SAMSUNG màu xám kèm theo 01 sim Viettel đã qua sử dụng.

Cáo trạng số 14/CT - VKSTĐ ngày 28/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, truy tố bị cáo Sừn Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Sừn Văn T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án về không gian, thời gian và địa điểm phạm tội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, trình bày lời luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Sừn Văn T tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Về hình phạt, đề nghị áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1,

khoản 2 Điều 51/Bộ luật hình sự, đề nghị tuyên phạt bị cáo mức án từ 18 đến 24 tháng tù. Miễn áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền và xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày lời bào chữa: Bị cáo Sừn Văn T là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại địa phương có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn, từ nhỏ không được học hành nên nhận thức về pháp luật còn nhiều hạn chế, bị cáo phạm tội lần đầu. Quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, vì vậy đề nghị HĐXX áp dụng điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51/Bộ luật hình sự, cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất của khung hình phạt, miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo, trả lại chiếc xe mô tô BKS 25 F3 – 1236 cho gia đình bị cáo, trả cho bị cáo 01 điện thoại di động, trả lại cho anh Sừn Văn S chiếc điện thoại di động .

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Lò Thị T trình bày: Chiếc xe mô tô BKS 25 F3 – 1236 là tài sản chung của gia đình chị, khi bị cáo Sừn Văn T sử dụng chiếc xe nói trên để đi mua ma túy đã không nói cho chị biết, chị không biết bị cáo T là chồng chị sử dụng chiếc xe vào việc phạm tội. Nay đề nghị HĐXX trả lại chiếc xe nói trên để chị làm phương tiện đi lại phục vụ sinh hoạt, làm ăn của gia đình.

Anh Sừn Văn S trình bày: Chiếc điện thoại di động Samsung anh để quên tại nhà bị cáo Sừn Văn T, anh không biết T tự ý lấy chiếc điện thoại của anh để gọi điện mua ma túy, chiếc điện thoại là tài sản của anh nên đề nghị trả lại chiếc điện thoại cho anh.

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, khách quan, toàn diện những chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên, của bị cáo, người bào chữa, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về hành vi phạm tội và cấu thành tội phạm: Vào hồi 16 giờ 00 phút, ngày 06 tháng 4 năm 2019 tại Km 396, Quốc lộ 32 thuộc địa phận bản N, xã B, huyện T, tỉnh Lai Châu. Sừn Văn T đang có hành vi tàng trữ trái phép 01 gói Heroine có khối lượng 0,16 gam nhằm mục đích để sử dụng thì bị Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện T phát hiện, bắt quả tang thu giữ toàn bộ vật chứng. Hành vi bị cáo Sừn Văn T thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

[3]. Về tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội:

Hành vi của bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm vào chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo Sùng Văn T là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là bị pháp luật nghiêm cấm, nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý. Ma túy đang là nỗi nhức nhối trong đời sống xã hội, và là nguyên nhân làm phát sinh nhiều loại tội phạm khác. Do đó mọi hành vi phạm tội liên quan tới ma túy cần phải được xử lý nghiêm minh trước pháp luật, nhằm góp phần giữ vững tình hình trật tự trị an trên địa bàn.

[4]. Về mục đích phạm tội của bị cáo: Bị cáo Sùng Văn T là đối tượng nghiện chất ma túy, việc tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo là nhằm phục vụ nhu cầu nghiện chất ma túy của bản thân.

[5]. Về nhân thân bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sùng Văn T được sinh ra trong gia đình lao động, bị cáo không chịu khó tu dưỡng, rèn luyện bản thân, chỉ vì không kìm chế được bản thân dẫn đến bị nghiện chất ma túy. Để có ma túy phục vụ nhu cầu của bản thân bị cáo đã bất chấp sự ngăn cấm của pháp luật để thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy cần có một mức án tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo có điều kiện cải tạo, cai nghiện trở thành người có ích cho gia đình và xã hội.

Tuy nhiên quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống tại địa phương có điều kiện kinh tế, xã hội khó khăn, từ nhỏ không được học hành, khả năng nhận thức pháp luật còn có phần hạn chế, vì vậy Hội đồng xét xử cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51/Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa. Bị cáo Sùng Văn T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6]. Về vật chứng: 0,16 gam Heroine đã được gửi toàn bộ làm mẫu vật gửi đi giám định không hoàn lại mẫu vật nên HĐXX không xem xét; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung đã qua sử dụng kèm theo 01 sim Viettel, bị cáo Sùng Văn T dùng liên lạc để mua ma túy là tài sản hợp pháp của anh Sùng Văn S, khi bị cáo T dùng chiếc điện thoại này anh S không biết, vì vậy cần trả lại chiếc điện thoại kèm theo sim cho chủ sở hữu hợp pháp. 01 chiếc xe mô tô Honda nhãn hiệu Wave α BKS 25 F3 – 1236 là tài sản chung của bị cáo T và chị Lò Thị T, khi bị cáo dùng chiếc xe nói trên để đi mua ma túy, chị T không biết, vì vậy cần trả lại chiếc xe nói trên cho chị T là phù hợp. Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SONY kèm theo 01 sim Viettel là tài sản hợp pháp của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại cho bị cáo, 01 mảnh ni lon màu xanh bị cáo dùng để gói chất ma túy, là công cụ phạm tội xét thấy không còn giá trị sử dụng cần tịch thu để tiêu hủy.

[7]. Một số vấn đề liên quan trong vụ án:

Đối với người nam giới tên D khoảng hơn 20 tuổi là người đã mua hộ Heroine cho bị cáo (theo lời khai của bị cáo). Do nhân thân, lai lịch của người nam giới này không rõ ràng nên không đủ căn cứ để xác minh, làm rõ và xử lý.

Theo lời khai của bị cáo Sừn Văn T, Đoàn Văn T là người đã đưa số tiền 500.000 đồng và nhờ T mua hộ Heroine. Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã tiến hành triệu tập lấy lời khai và tiến hành đối chất giữa T và T nhưng T không thừa nhận đã đưa tiền cho T mua Heroine, ngoài lời khai của T không có chứng cứ nào khác nên không có đủ căn cứ để xử lý đối với Đoàn Văn T.

Bị cáo là người nghiện chất ma túy, có điều kiện kinh tế khó khăn, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[8]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm c khoản 1 khoản 5 Điều 249, Điều 38, Điều 47, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51/Bộ luật hình sự; Điều 106, khoản 2 Điều 135, Điều 331, Điều 333/Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Sừn Văn T phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Sừn Văn T 18 (mười tám) tháng tù, bị cáo được trừ 06 (sáu) ngày tạm giữ, nay còn phải thi hành tiếp 17 (mười bảy) tháng 24 (hai mươi tư) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đến các cơ sở giam, giữ để chấp hành hình phạt. Miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho bị cáo.

3. Về vật chứng: Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu SONY đã qua sử dụng kèm theo 01 sim Viettel, trả lại cho chị Lò Thị T 01 xe mô tô Honda nhãn hiệu Wave α BKS 25 F3 – 1236 đã qua sử dụng, trả lại cho anh Sừn Văn S 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung đã qua sử dụng kèm theo 01 sim Viettel, tịch thu 01 mảnh ni lon màu xanh để tiêu hủy.

Các vật chứng nêu trên đang được bảo quản, lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T. Tình trạng, đặc điểm vật chứng như Biên bản giao nhận vật chứng tài sản ngày 29/5/2019 giữa Công an huyện T và Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

4. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí HSST.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong hạn mười lăm ngày lên Toà án cấp trên kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Toà án ND tỉnh Lai Châu.
- VKSND tỉnh Lai Châu.
- Sở tư pháp Lai Châu
- VKSND huyện T
- Chi cục THADS.
- Nhà TG.
- Người TGTT.
- Bị cáo.
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Đoàn Trung Phước

